

QUYỀN CỦA TÁC GIẢ BẢO VỆ SỰ TOÀN VỆN TÁC PHẨM THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Nguyễn Thị Lâm Nghi*

Tóm tắt: Bài viết phân tích quy định pháp luật hiện hành về quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, nhận diện những vấn đề bất cập trong các quy định pháp luật, đối chiếu so sánh với quy định pháp luật tương ứng của một số quốc gia thành viên Công ước Berne. Qua đó, bài viết đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

Abstract: The article analyzes current legal provisions on the right of work integrity of authorship, identifies shortcomings thereof with comparison to corresponding regulations under national laws of member States to Berne Convention. Thereby, it makes certain proposals to perfect Vietnamese law in this respect.

1. Quy định pháp luật hiện hành về quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm

Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật năm 1886 (sau đây gọi là Công ước Berne) quy định quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm của tác giả tại Điều 6bis như sau (tạm dịch):

“Độc lập với quyền kinh tế của tác giả và ngay cả sau khi quyền này đã được chuyển nhượng, tác giả vẫn có quyền [...] phản đối bất kỳ sự xuyên tạc, cắt xén, sửa đổi hoặc những hành vi xâm phạm khác đối với tác phẩm khi những hành vi đó gây phương hại đến danh dự, uy tín của tác giả”¹.

Như vậy, theo quy định này, một hành vi chỉ bị coi là xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm của tác giả nếu thỏa mãn hai yếu tố:

(1) Có sự xuyên tạc (distortion), cắt xén (mutilation), sửa đổi (modification) hoặc bất cứ hành vi xâm phạm nào khác (other derogatory) đối với tác phẩm; và

(2) Uy tín, danh dự của tác giả bị phương hại do hành vi được nêu tại điểm (1).

Tuy nhiên, trên thực tế, không phải quốc gia thành viên nào của Công ước Berne cũng tuân thủ quy định này. Thông thường, các nước thành viên lựa chọn một trong hai xu hướng: Một là, áp dụng tương tự Điều 6bis với hai yếu tố như đã phân tích ở trên khi xác định một hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm; hai là, mở rộng phạm vi bảo hộ loại quyền này hơn so với Điều 6bis khi chỉ yêu cầu thỏa mãn yếu tố hành vi được nêu tại điểm (1) để kết luận về hành vi xâm phạm mà không cần phải chứng minh yếu tố (2). Các quốc gia chọn xu hướng thứ nhất có thể kể đến như Úc (các điều 195AI, 195AJ, 195AK,

* ThS., Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

¹ Nguyên văn (bản tiếng Anh): “Independently of the author’s economic rights, and even after the transfer of the said rights, the author shall have the right to claim authorship of the work and to object to any distortion, mutilation or other modification of, or other derogatory action in relation to, the said work, which would be prejudicial to his honor or reputation”, xem tại: https://www.wipo.int/treaties/en/text.jsp?file_id=283698#P123_20726, truy cập ngày 10/4/2019.

195AL Đạo luật Bản quyền năm 1968)², Đức (Điều 14 Đạo luật Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả năm 1965)³, Ý (Điều 2577 Bộ luật Dân sự năm 1942)⁴. Ngược lại, xu hướng thứ hai lại được áp dụng ở các nước thành viên khác như Pháp (Điều 121-1 Bộ luật Sở hữu trí tuệ năm 1992), Hy Lạp (Điều 4 Đạo luật Bản quyền, quyền liên quan và các vấn đề văn hóa số 2121/1993) hay Bỉ⁵.

² Xem thêm M.J. Davidson, A.L. Monotti & L. Wiseman, *Australian Intellectual Property Law*, Cambridge University Press, 2008, tr. 299-301.

³ Nguyên văn (tiếng Anh): “The author has the right to prohibit the distortion or any other derogatory treatment of his work which is capable of prejudicing his legitimate intellectual or personal interests in the work” (xem tại https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_urhg/englisch_urhg.html#p0028). Luật Bản quyền của Đức có vẻ mở rộng phạm vi bảo hộ quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm hơn so với Điều 6bis trong Công ước Berne khi quy định hành vi xâm phạm khi gây phương hại cho những lợi ích về mặt trí tuệ hoặc bất cứ lợi ích cá nhân hợp pháp nào khác của tác giả chứ không giới hạn trong phạm vi tổn hại về danh dự, uy tín của tác giả như Công ước Berne. Dù vậy, cách tiếp cận của Đức về nguyên tắc tương đồng với Điều 6bis bởi lẽ vẫn yêu cầu tác giả phải chứng minh được yếu tố hậu quả của hành vi (gây hại cho lợi ích hợp pháp của tác giả). Xem thêm: Mrs Marjut Salokannel & Mr Alain Strowel, Báo cáo “*Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology*” (2000), được thực hiện bởi EU Commission’s internal market directorate-general, tr. 59, tại https://www.academia.edu/1363052/Study_contract_concerning_moral_rights_in_the_context_of_the_exploitation_of_works_through_digital_technology?auto=download.

⁴ Báo cáo “*Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology*” (2000) được thực hiện bởi EU Commission’s internal market directorate-general, tr. 82.

⁵ Báo cáo “*Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology*” (2000) được thực hiện bởi EU Commission’s internal market directorate-general, tr. 16, 31, 73.

Ở Việt Nam, quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm được quy định tại khoản 4 Điều 19 và khoản 5 Điều 28 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009 – sau đây gọi tắt là LSHTT 2005). Theo đó, tác giả có quyền ngăn cấm các hành vi tự ý “sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả”. Quyền này chỉ thuộc về tác giả và không thể chuyển giao cho người khác. Quy định này hoàn toàn tương đồng với Điều 6bis của Công ước Berne năm 1886 và luật của các quốc gia như Úc, Ý. Nghĩa là, nếu một người có hành vi sửa chữa, làm thay đổi nguyên trạng của tác phẩm, nhưng không có chứng cứ cho thấy sự sửa chữa, thay đổi này làm tổn hại đến danh dự, uy tín của tác giả thì chưa đủ cơ sở để khẳng định đó là hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm.

Cụ thể, LSHTT 2005 đề cập đến các hành vi “sửa chữa”, “cắt xén”, và “xuyên tạc” tác phẩm là những hành vi có thể xâm phạm đến sự toàn vẹn của tác phẩm. Những khái niệm này không được định nghĩa rõ trong văn bản luật. Dù vậy, xét theo ngữ nghĩa thông thường, hai khái niệm “cắt xén” và “xuyên tạc” có ý nghĩa tiêu cực. Theo Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học, “cắt xén” được hiểu là “cắt bỏ bớt một số phần, làm cho mất tính nguyên vẹn”⁶. Có thể hiểu, cắt xén là hành vi làm què quặt, biến dạng một tác phẩm, làm giảm giá trị tác phẩm. Cách hiểu này cũng tương đồng với khái niệm tiếng Anh “mutilation” được sử dụng tại Điều 6bis Công ước Berne⁷.

⁶ Hoàng Phê (chủ biên), Từ điển tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ học, Nxb. Đà Nẵng, 2000, tr. 120.

⁷ Từ điển Cambridge định nghĩa mutilation là hành vi hủy hoại một tác phẩm, xem tại

Tương tự, “xuyên tạc” được hiểu là hành vi “trình bày sai sự thật với dụng ý xấu”⁸. Như vậy, xuyên tạc tác phẩm là hành vi cố ý làm sai lệch ý nghĩa thật sự của một tác phẩm mà tác giả muốn truyền đạt, thể hiện trong một tác phẩm khác và được thực hiện một cách thiếu thiện chí. Khái niệm tiếng Anh tương đương được tìm thấy tại Điều 6bis Công ước Berne, “distortion”, cũng có nghĩa tương tự⁹.

Trong khi đó, nếu căn cứ theo Từ điển tiếng Việt, khái niệm “sửa chữa” được sử dụng tại Điều 19 LSHTT 2005 lại có vẻ chưa được chuẩn xác. Theo đó, “sửa chữa” được hiểu là sửa những chỗ hư hỏng, sai sót¹⁰. Có lẽ, nên thay thế bằng khái niệm “sửa đổi” sẽ chính xác hơn (“sửa đổi” được định nghĩa là “thay đổi, thêm bớt cho phù hợp với yêu cầu đã khác trước”)¹¹. Khái niệm này cũng tương ứng với thuật ngữ tiếng Anh “modification” được sử dụng trong Công ước Berne¹².

Theo tinh thần của LSHTT 2005, cho dù là hành vi hiểu theo nghĩa tiêu cực (làm hạ thấp giá trị tác phẩm với dụng ý xấu) như là “cắt xén”, “xuyên tạc”, hay hành vi mang

tính chất trung dung, thậm chí tích cực, như “sửa chữa” (sửa đổi) tác phẩm chỉ có thể bị xem là hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với sự toàn vẹn của tác phẩm nếu như tác giả chứng minh được uy tín, danh dự của bản thân bị phương hại bởi các hành vi trên. Có thể nói, trong hoạt động chứng minh có hay không sự xâm phạm quyền, nếu dấu hiệu hành vi “sửa chữa”, “cắt xén”, “xuyên tạc” là điều kiện cần thì dấu hiệu “phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả” lại là điều kiện đủ.

Tuy nhiên, Nghị định số 22/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của LSHTT 2005 (sau đây gọi là NĐ 22) lại có hướng dẫn mâu thuẫn với văn bản luật. Cụ thể, khoản 3 Điều 20 của NĐ 22 khẳng định:

“Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm quy định tại khoản 4 Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ là việc không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm hoặc sửa chữa, nâng cấp chương trình máy tính trừ trường hợp có thoả thuận của tác giả”.

Rõ ràng, việc NĐ 22 loại bỏ hẳn cụm từ “gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả” đã làm thay đổi hoàn toàn tinh thần và bản chất của khoản 4 Điều 19 LSHTT 2005, khiến vấn đề chứng minh hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm rẽ sang một hướng hoàn toàn khác. Nếu áp dụng quy định của NĐ 22, tác giả không cần chứng minh hậu quả của hành vi tác động đến tác phẩm, mà chỉ cần chỉ ra được sự “sửa chữa, cắt xén tác phẩm” khi chưa có sự đồng ý của bản thân tác giả. Nói cách khác, yếu tố có hay không có sự thỏa thuận của tác giả sẽ là yếu tố then chốt, quyết định việc chỉnh sửa tác phẩm có cấu thành hành vi vi phạm sự toàn vẹn của tác phẩm hay không. Cách tiếp cận này tương

<https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english/mutilation>, truy cập ngày 10/4/2019.

⁸ Hoàng Phê (chủ biên), Từ điển tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ học, Nxb. Đà Nẵng, 2000, tr. 1162.

⁹ Từ điển Cambridge định nghĩa distortion là hành vi thay đổi ý định có chủ đích hoặc ý nghĩa thật sự của một điều gì đó, xem tại <https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english/distortion>, truy cập ngày 10/4/2019.

¹⁰ Hoàng Phê (chủ biên), Từ điển tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ học, Nxb. Đà Nẵng, 2000, tr. 878.

¹¹ Hoàng Phê (chủ biên), Từ điển tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ học, Nxb. Đà Nẵng, 2000, tr. 878.

¹² Từ điển Cambridge định nghĩa modification là hành vi “thay đổi một cái gì đó, thường là để phát triển nó”, xem tại <https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english/modification>, truy cập ngày 10/4/2019.

đồng với quy định của luật bản quyền tại các nước như Pháp, Hy Lạp hay Bỉ như đã phân tích ở trên. Có quan điểm cho rằng, bản thân khái niệm “cắt xén” đã hàm chứa ý nghĩa tiêu cực (như đã phân tích ở trên) nên không cần thêm vào cụm từ “gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả” nữa. Tuy nhiên, lập luận này lại không thể áp dụng cho hành vi “sửa chữa” (vốn không nhất thiết mang nghĩa tiêu cực, thậm chí là tích cực). Hơn nữa, ngay cả LSHTT 2005 vẫn quy định yếu tố “gây phương hại cho danh dự và uy tín của tác giả” dù có sử dụng cụm từ “cắt xén” và “xuyên tạc”. Vì vậy, thật khó có thể cho rằng quy định tại NĐ 22 thể hiện đúng tinh thần của LSHTT 2005.

2. Những vấn đề đặt ra từ góc nhìn luật học so sánh

2.1. Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm trong mối quan hệ với quyền làm tác phẩm phái sinh

Nếu quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm là quyền nhân thân, gắn liền với tác giả và không thể chuyển giao cho người khác thì ngược lại, quyền làm tác phẩm phái sinh lại là quyền tài sản, thuộc độc quyền của chủ sở hữu tác phẩm. Theo đó, chủ sở hữu có quyền tự mình hoặc cho phép người khác làm tác phẩm phái sinh từ tác phẩm gốc mà mình đang nắm giữ quyền sở hữu (điểm a khoản 1 Điều 20 LSHTT 2005).

Tác phẩm phái sinh được liệt kê tại khoản 8 Điều 4 của LSHTT 2005, bao gồm tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn. Có thể hiểu tác phẩm phái sinh là tác phẩm được sáng tạo dựa trên tác phẩm gốc, có thể có sự can thiệp vào tính chỉnh thể của tác phẩm (sửa đổi, chỉnh sửa tác phẩm, ví dụ, tác phẩm phóng tác, cải biên) hoặc không

can thiệp vào tính chỉnh thể mà chỉ thực hiện các hành vi sắp xếp, tổng hợp, chọn lọc thông tin, chuyển loại hình,... theo một cách thức nhất định (ví dụ tác phẩm chuyển thể, biên soạn, tuyển chọn). Như vậy, về mặt hành vi, hoạt động làm tác phẩm phái sinh - đặc biệt là phóng tác, cải biên - có nhiều điểm tương đồng với hành vi sửa chữa tác phẩm vốn có khả năng bị coi là xâm phạm đến quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm. Do đó, chính tính chất này khiến cho ranh giới giữa quyền làm tác phẩm phái sinh và quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm trong nhiều trường hợp là rất khó phân định.

Theo quy định pháp luật, điều kiện để tác phẩm phái sinh được bảo hộ là phải có tính nguyên gốc (khoản 3 Điều 14 LSHTT 2005) và không được gây phương hại cho quyền tác giả đối với tác phẩm gốc (khoản 2 Điều 14 LSHTT 2005). Một trong những hành vi gây phương hại này chính là việc xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm. Điều này chứng tỏ rằng, mặc dù quyền làm tác phẩm phái sinh là quyền của chủ sở hữu nhưng khi thực thi quyền này, chủ sở hữu vẫn phải tôn trọng quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm của tác giả. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, do cách tiếp cận của LSHTT 2005 và NĐ 22 không tương đồng nên có thể dẫn đến cách hiểu mâu thuẫn nhau khi áp dụng quy định này trên thực tế.

Cách tiếp cận của khoản 4 Điều 19 LSHTT 2005 cho phép một khoảng tự do sáng tạo khá rộng trong hoạt động làm tác phẩm phái sinh. Theo đó, chỉ cần không gây phương hại cho danh dự, uy tín của tác giả thì những hành vi thay đổi, chỉnh sửa tác phẩm gốc theo một ý đồ sáng tạo nhất định của chủ sở hữu hoặc người được phép của

chủ sở hữu để tạo ra một tác phẩm mới có tính nguyên gốc đều thuộc phạm vi tác phẩm phái sinh hợp pháp.

Ngược lại, nếu áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 20 NĐ 22, việc tự do sáng tạo tác phẩm phái sinh sẽ hẹp hơn rất nhiều. Bởi lẽ, theo cách tiếp cận của quy định này, bất cứ hành vi sửa chữa tác phẩm gốc nào, nếu không có sự đồng thuận của tác giả, cũng có thể cấu thành hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm của tác giả, cho dù tác giả không chứng minh được hành vi đó gây phương hại đến danh dự, uy tín của mình.

Một vấn đề khá nghiêm trọng được đặt ra là, với cách tiếp cận này, nguyên tắc bảo hộ quyền làm tác phẩm phái sinh với tư cách là quyền tài sản, vốn thuộc độc quyền của chủ sở hữu tác phẩm, đã không được giữ vững.

Cụ thể, trong trường hợp chủ sở hữu quyền tác giả và tác giả đối với một tác phẩm là hai chủ thể độc lập thì theo quy định của LSHTT 2005, chủ sở hữu quyền tác giả sẽ có độc quyền làm tác phẩm phái sinh, trong khi tác giả nắm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm¹³. Vì làm tác phẩm phái sinh là độc quyền của chủ sở hữu nên về mặt nguyên tắc, chủ sở hữu không cần phải xin phép tác giả. Tuy nhiên, với tinh thần của NĐ 22, nguyên tắc này bị vô hiệu hóa bởi lẽ bất cứ hành vi nào sửa đổi một tác phẩm, muốn được coi là hợp pháp, phải được sự đồng ý của tác giả (vì không thể làm tác phẩm phái sinh như phóng tác hay cải biên mà không có sự chỉnh sửa tác phẩm gốc). Vô hình trung, quy định của NĐ 22 có khuynh hướng đồng nhất quyền làm tác phẩm phái sinh và quyền bảo vệ sự toàn vẹn

của tác phẩm, biến quyền làm tác phẩm phái sinh thành quyền nhân thân, khiến quyền làm tác phẩm phái sinh không thuộc độc quyền của chủ sở hữu mà thuộc về tác giả. Cách tiếp cận này đã tước bỏ lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tác quyền liên quan đến việc khai thác quyền làm tác phẩm phái sinh theo quy định của LSHTT 2005.

Trên thực tế, vụ kiện bản quyền đối với hình thức thể hiện các nhân vật trong bộ truyện tranh Thần đồng đất Việt giữa ông Lê Linh và Công ty Phan Thị gần đây là một minh chứng cho vấn đề nêu trên. Cụ thể, trong bản án sơ thẩm, tòa án đã lập luận rằng việc Công ty Phan Thị thay đổi hình thức thể hiện gốc của các nhân vật Trang Tí, Sừ Ọ, Dân Bé, Cà Mèo để phù hợp với cốt truyện, bối cảnh, nội dung cụ thể của từng tập truyện từ tập 79 trở đi của bộ truyện tranh Thần đồng đất Việt cũng như của bộ truyện tranh Thần đồng đất Việt mỹ thuật, Thần đồng đất Việt khoa học là hoạt động làm tác phẩm phái sinh có sửa chữa tác phẩm gốc, nhưng không có thỏa thuận với ông Linh và không được ông Linh đồng ý là xâm phạm quyền tác giả được quy định tại khoản 5 Điều 28 LSHTT 2005¹⁴. Rõ ràng, có một sự nhập nhằng rất lớn khi một mặt, thẩm phán công nhận hành vi thay đổi hình thức thể hiện gốc các nhân vật của chủ sở hữu là hoạt động làm tác phẩm phái sinh, nhưng mặt khác, vẫn tuyên đây là hành vi xâm phạm quyền của tác giả Lê Linh chỉ bởi vì chưa được sự đồng ý của tác giả. Mặc

¹³ Xem các quy định từ Điều 36 đến Điều 39 của LSHTT 2005.

¹⁴ Bản án sơ thẩm của vụ kiện này được Tòa án nhân dân quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tuyên vào ngày 18/02/2019; xem thêm về vụ kiện tại <https://news.zing.vn/hoa-si-le-linh-thang-kien-doi-du-oc-tac-quyen-than-dong-dat-viet-post917423.html?fbclid=IwAR11ppt1MkElwQZPwsX20JB2fzpxDmnk5e0UWXo7rLGOlOf4r6LaBtay81k>, truy cập ngày 10/4/2019.

dù bản án căn cứ vào LSHTT 2005, nhưng thẩm phán lại áp dụng cách tiếp cận của NĐ 22, theo đó, bản án sơ thẩm chỉ đề cập đến yếu tố có hành vi sửa chữa tác phẩm của chủ sở hữu là Công ty Phan Thị mà không hề phân tích, đánh giá yếu tố hậu quả có gây phương hại cho danh dự, uy tín của tác giả không. Thay vào đó, thẩm phán lại nhấn mạnh yếu tố chưa được sự đồng ý của tác giả như quy định tại khoản 3 Điều 20 NĐ 22. Rõ ràng, với logic này, người thực sự nắm quyền làm tác phẩm phái sinh không còn là chủ sở hữu nữa mà ngược lại, chính người có tư cách tác giả (dù không có tư cách chủ sở hữu) mới có quyền làm tác phẩm phái sinh. Một cách tiếp cận lật đổ hoàn toàn nguyên tắc: Quyền làm tác phẩm phái sinh thuộc chủ thể có tư cách chủ sở hữu tác quyền của LSHTT 2005.

Tuy nhiên, trong một vụ kiện khác cũng diễn ra gần như đồng thời với vụ kiện trên, giữa Công ty Tuần Châu Hà Nội và đạo diễn Việt Tú liên quan đến quyền tác giả đối với vở diễn thực cảnh “Ngày xưa”, thẩm phán của Tòa án nhân dân Tp. Hà Nội lại có cách tiếp cận ngược lại. Bản án sơ thẩm của vụ kiện này công nhận rằng, với tư cách là chủ sở hữu, Công ty Tuần Châu Hà Nội có quyền làm tác phẩm phái sinh “Tình hoa Bắc Bộ” trên cơ sở sửa chữa tác phẩm gốc “Ngày nay” mà không cần sự đồng ý của tác giả Việt Tú, bác bỏ yêu cầu đòi bồi thường của tác giả¹⁵. Rõ ràng, trái với bản án sơ thẩm vụ Thần đồng đất Việt, cách tiếp cận của bản án sơ thẩm trong vụ kiện này bám sát quy định của LSHTT 2005 hơn.

¹⁵ Bản án sơ thẩm của vụ kiện này được Tòa án nhân dân Tp. Hà Nội tuyên vào ngày 20/3/2019; xem thêm về vụ kiện tại <https://nld.com.vn/van-nghe/tranh-chap-ban-quyen-vo-thuc-canh-trieu-do-toa-tuyen-tin-h-hoa-bac-bo-la-vo-dien-phai-sinh-2019032010060219.htm>, truy cập ngày 10/4/2019.

Như vậy, sự mâu thuẫn giữa cách tiếp cận của LSHTT 2005 và NĐ 22 đã tạo ra hai cách hiểu và áp dụng pháp luật hoàn toàn trái ngược nhau của các tòa án.

Nghiên cứu pháp luật một số nước trên thế giới, trước tiên phải khẳng định rằng, việc phân định ranh giới giữa hành vi làm tác phẩm phái sinh hợp pháp và hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm được giải quyết trong luật không phải là điều dễ dàng. Đặc biệt, đối với quốc gia áp dụng nguyên tắc chỉ cần có hành vi tác động trái phép đến tính nguyên vẹn của tác phẩm là đã cấu thành hành vi xâm phạm quyền tác giả mà không cần chứng minh yếu tố hậu quả. Dù vậy, văn bản pháp luật hoặc các án lệ ở những quốc gia này vẫn xác định những nguyên tắc cụ thể giúp phân định rõ hai hành vi trên. Ví dụ, Bộ luật Sở hữu trí tuệ của Pháp bảo hộ quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm theo hướng tuyệt đối, nghĩa là tác giả không cần phải chứng minh hậu quả “gây phương hại đến danh dự, uy tín” của hành vi tác động đến tác phẩm. Mặc dù vẫn tồn tại khuynh hướng xem mọi hành vi sửa đổi tác phẩm đều có thể cấu thành hành vi xâm phạm, tuy nhiên, khuynh hướng chủ yếu được áp dụng trong các án lệ là mở rộng quyền tự do sáng tạo của hoạt động làm tác phẩm phái sinh (modification/adaptation). Một hành vi chỉ bị coi là xâm phạm nếu như nó “xuyên tạc” (distort) tinh thần chung (spirit) của tác phẩm nhưng mặt khác hành vi sửa đổi nhất định đối với văn bản (text) của tác phẩm thì vẫn được coi là hợp pháp¹⁶. Như vậy, tiêu chuẩn để tòa án có thể xác định ranh giới giữa hành vi làm tác phẩm

¹⁶ Báo cáo “*Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology*” (2000) được thực hiện bởi EU Commission’s internal market directorate-general, tr. 39.

phái sinh hợp pháp và hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm chính là vấn đề tinh thần chung của tác phẩm có được tôn trọng hay không. Như vậy, không phải bất cứ sự chỉnh sửa tác phẩm nào cũng bị coi là xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm.

Một ví dụ khác là Đức, nơi mà pháp luật về bản quyền cũng vạch ra nguyên tắc chung góp phần xác định ranh giới giữa hành vi làm tác phẩm phái sinh hợp pháp và hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm. Nguyên tắc này được xác lập tại Điều 39 Đạo luật Bản quyền và quyền liên quan; theo đó, hành vi sửa đổi tác phẩm là được phép và tác giả không có quyền phản đối, dựa trên nguyên tắc thiện chí (good faith)¹⁷. Nói cách khác, hành vi làm tác phẩm phái sinh được coi là hợp pháp trừ khi tác giả phản đối hành vi này chứng minh được là mình có lý do chính đáng. Bên cạnh đó, Điều 24.1 cũng quy định việc tạo ra một tác phẩm mới dựa trên việc sử dụng tự do (free use) (ví dụ, sử dụng vì mục đích cá nhân) một tác phẩm thuộc phạm vi bảo hộ tác quyền của người khác không cần phải có sự cho phép của tác giả tác phẩm gốc đó.

Như vậy, mặc dù việc xác định ranh giới giữa quyền làm tác phẩm phái sinh hợp pháp và quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm không phải là dễ dàng, nhưng pháp luật của cả Đức lẫn Pháp đều có những quy tắc của riêng để phân định ranh giới này. Theo đó, không phải mọi hành vi sửa chữa, thay đổi một tác phẩm khi chưa có sự cho phép của tác giả đều là hành vi xâm phạm

quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm như cách tiếp cận của NĐ 22 trong pháp luật Việt Nam. Đáng lưu ý là, dù cách tiếp cận không giống nhau hoàn toàn, nhưng cả pháp luật của Pháp lẫn của Đức đều có ngưỡng bảo hộ quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm cao hơn quy định của Công ước Berne (như đã phân tích ở trên), trong khi LSHTT 2005 lại có ngưỡng bảo hộ hẹp hơn, bám sát Công ước Berne.

2.2. Tiêu chí xác định yếu tố “gây phương hại cho danh dự, uy tín của tác giả”

Cả LSHTT 2005 lẫn NĐ 22 không có một quy định cụ thể nào để giải thích yếu tố “gây phương hại đến danh dự, uy tín của tác giả”. Không có văn bản quy phạm pháp luật nào của Việt Nam vạch ra những tiêu chí cụ thể mà tòa án có thể dựa vào để cân nhắc, đánh giá yếu tố này. Sự thiếu vắng quy định loại này có khả năng dẫn đến sự tùy tiện trong các quyết định của thẩm phán trên thực tế. Bởi lẽ, đây là yếu tố mang tính chủ quan, phụ thuộc vào cảm nhận, tính cách riêng của mỗi cá nhân. Quả vậy, trong thực tế có thể dễ dàng tìm thấy một người có khuynh hướng “quá nhạy cảm hoặc kiểm soát thái quá đối với cách thức mà tác phẩm của anh ta được sử dụng”¹⁸ hoặc ngược lại.

Một vấn đề nữa là, tính chất “gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả” nên được xét dưới góc độ cảm nhận của chính bản thân tác giả hay phụ thuộc vào sự đánh giá của người khác? Hơn nữa, luật có đòi hỏi phải thực sự có hậu quả “phương hại” đã diễn ra hay chỉ cần có nguy cơ gây phương hại đến quyền này? Rõ ràng, nếu thiếu những quy định chi tiết,

¹⁷ The Act on Copyright and Related Rights (Urheberrechtsgesetz, UrhG), xem tại https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_urhg/englisch_urhg.html#p0028, truy cập ngày 10/4/2019.

¹⁸ M.J. Davidson, A.L. Monotti & L. Wiseman, *Australian Intellectual Property Law*, Cambridge University Press, 2008, tr. 300.

hoặc ít nhất những quy định mang tính nguyên tắc làm tiêu chuẩn để xác định yếu tố mang tính pháp lý này, khó có thể tránh được sự tùy tiện, mâu thuẫn giữa các bản án, quyết định của tòa án.

Đạo luật Bản quyền của Canada quy định quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm chỉ bị coi là xâm phạm khi hành vi tác động đến tác phẩm đó (xuyên tạc, cắt xén hoặc các hành vi sửa đổi khác) gây phương hại đến danh dự, uy tín của tác giả (to the prejudice of its author's or performers honour or reputation) (Điều 28.2 (1))¹⁹. Chúng ta thấy điều luật này tương tự như quy định tại Điều 6bis Công ước Berne và LSHTT 2005 của Việt Nam. Để trả lời câu hỏi liệu tính chất của sự phương hại này được quyết định bởi chính cảm nhận của tác giả hay người khác, thẩm phán O'Brien J., trong vụ án *Snow v. The Eaton Centre Ltd. et al.* nổi tiếng ở Canada, cho rằng "tính chất "gây phương hại đến danh dự, uy tín của tác giả" [...] là đề cập đến những yếu tố hoặc nhận định của chính tác giả miễn là chúng hợp lý"²⁰. Vì thế, thẩm phán đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố bị đơn đã thực hiện hành vi xâm phạm quyền đối với sự toàn vẹn của tác phẩm. Quan điểm này bị coi là một cách tiếp cận "nhạy cảm bậc nhất" khi xác định hành vi gây phương hại đến uy tín, danh dự của tác giả²¹. Vì thế, án

lệ sau đó, *Prise de parole Inc v. Guérin, éditeur Ltée*²², mặc dù một mặt vẫn áp dụng án lệ *Snow* cho rằng việc quyết định một hành vi có gây phương hại cho danh dự, uy tín tác giả không, trước tiên cần dựa vào cảm nhận chủ quan của chính tác giả; nhưng mặt khác, thẩm phán vẫn yêu cầu đưa ra những bằng chứng khách quan để làm tiêu chuẩn cho quyết định, bao gồm ý kiến của cộng đồng hay các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan. Nếu thỏa mãn tiêu chí chủ quan, nhưng không thỏa mãn tiêu chí khách quan, tòa án sẽ không công nhận hành vi của bị đơn là xâm phạm quyền của nguyên đơn: "Nói một cách ngắn gọn, mặc dù tác giả chứng minh được rằng tác phẩm của mình đã bị sửa đổi đáng kể mà bản thân không được thông báo, và rằng bản thân đã bị sốc và đau khổ bởi hành vi này nhưng không có đủ bằng chứng khách quan cho rằng việc sửa đổi tác phẩm gây phương hại cho danh dự, uy tín của tác giả theo quy định tại Điều 28.2(1). Vì yếu tố này không được chứng minh nên không thể xem quyền nhân thân của tác giả đã bị xâm phạm"²³.

Có thể nói rằng, về mặt lý thuyết, cách tiếp cận của tòa án Canada từ sau vụ việc *Snow* mang tính cân bằng. Một mặt, tòa án vẫn xét đến ý chí chủ quan của tác giả (thậm chí tiêu chí này được đề cập đến trước tiên), nhưng mặt khác vẫn quan tâm đến các bằng chứng khách quan. Dù vậy, trên thực tế, yếu tố mang tính chất quyết định để xác định một hành vi có phải là xâm phạm hay không lại chính là các bằng chứng khách quan, nghĩa là cách nhìn nhận, quan điểm của

¹⁹ Canadian Copyright Act, xem tại <https://laws.justice.gc.ca/eng/acts/C-42/section-28.2-20121107.html#wb-cont>, truy cập ngày 12/4/2019.

²⁰ *Snow v. The Eaton Centre Ltd.* (1982) được công bố trong Canadian Patent Reporter, tr. 105. Xem <https://zvulony.ca/2012/decisions/snow-v-eaton-cent-re-ltd-et-al/> và <https://www.civil.law.cam.ac.uk/virtual-museum/snow-v-eaton-centre-ltd-1982-70-cp-r-2d-105>, truy cập ngày 12/4/2019.

²¹ M.J. Davidson, A.L. Monotti & L. Wiseman, *Australian Intellectual Property Law*, Cambridge University Press, 2008, tr. 300.

²² *Prise de parole Inc v Guérin, éditeur Ltée*, được công bố trong Canadian Patent Reporter, tr. 557.

²³ *Prise de parole Inc v Guérin, éditeur Ltée*, được công bố trong Canadian Patent Reporter, tr. 557, xem đoạn 28 trong phán quyết.

công chúng hay của các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan.

Một điểm đáng lưu ý nữa trong phán quyết này là, thẩm phán cho rằng tác giả chỉ cần chứng minh được có khuynh hướng gây phương hại mà không cần có hậu quả gây phương hại thực tế xảy ra là đủ để thỏa mãn yếu tố “gây phương hại đến danh dự, uy tín của tác giả” được quy định tại Điều 28.2(1).

Một quốc gia khác cần xem xét ở đây chính là Úc. Đạo luật Bản quyền năm 1968²⁴ của Úc cũng có cách tiếp cận đối với quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm tương tự như Công ước Berne và LSHTT 2005 của Việt Nam. Các điều 195AI, 195AJ, 195AK và 195AL của Đạo luật này quy định để có thể xác định một hành vi vi phạm, nhân tố chính yếu cần phải xem xét là hành vi đó có tính chất “xúc phạm” (derogatory) hay không. Nghĩa là, theo luật, tác giả phải chứng minh được hành vi vi phạm đã gây phương hại đến danh dự, uy tín của bản thân (prejudicial to the author's honour or reputation) (Điều 195AQ). Như đã phân tích, hậu quả này không phải lúc nào cũng được xác định dễ dàng vì tính chủ quan của nó. Vì thế, để hạn chế tính chất cảm tính khi ra quyết định, Điều 195AS đưa ra nhiều yếu tố mà các tòa án ở Úc có thể dựa vào đó để đánh giá tính chất “xúc phạm” của một hành vi như: Bản chất của tác phẩm (ví dụ, tác phẩm mang tính nghệ thuật thuần túy hay tác phẩm mang tính ứng dụng), mục đích, cách thức, bối cảnh sử dụng của tác phẩm, thông lệ của ngành/lĩnh vực mà trong đó tác phẩm được sử dụng,...

Đức cũng là một quốc gia áp dụng nguyên tắc đánh giá hành vi vi phạm qua hai yếu tố, hành vi và hậu quả. Tuy nhiên, một điểm đáng chú ý trong luật tác quyền của Đức chính là việc đề cao nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa tác giả tác phẩm và người sử dụng tác phẩm. Nguyên tắc này tạo ra một quy trình chuẩn mà tòa án Đức phải tuân thủ khi giải quyết tranh chấp, hạn chế sự chủ quan trong bản án, quyết định của tòa. Cụ thể, khi xem xét một hành vi nào là hành vi xâm phạm, tòa án phải tuân thủ các bước sau:

(1) Trước tiên, tòa phải xem xét một cách khách quan có hành vi xâm phạm quyền hay không; nghĩa là có hành vi xuyên tạc hay bất cứ hành vi nào xúc phạm đến tác phẩm hay không;

(2) Nếu có, tòa sẽ tiếp tục xem xét hành vi kể trên có gây phương hại cho tác giả không;

(3) Nếu có thì liệu lợi ích của tác giả trong trường hợp ấy có cân bằng với lợi ích của các bên còn lại hay không²⁵.

Ngoài quy trình ba bước kể trên, cũng tương tự như Úc, tòa án ở Đức cũng phải tính đến các yếu tố có liên quan khác, như bản chất và mức độ của hành vi vi phạm, các yếu tố bị ảnh hưởng, mức độ nguyên gốc của tác phẩm... để đảm bảo nguyên tắc cân bằng lợi ích²⁶.

Ngay cả Pháp, quốc gia có cơ chế bảo hộ quyền nhân thân đối với sự toàn vẹn của

²⁵ Báo cáo *Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology* (2000) được thực hiện bởi EU Commission's internal market directorate-general, tr. 60.

²⁶ Báo cáo *Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology* (2000) được thực hiện bởi EU Commission's internal market directorate-general, tr. 60.

²⁴ The Copyright Act 1968 (Cth), xem tại http://www5.austlii.edu.au/au/legis/cth/consol_act/ca1968133/index.html#s195as, truy cập ngày 12/4/2019.

tác phẩm ở ngưỡng rất cao như đã đề cập, vẫn đặt ra một số yếu tố để kiểm soát nhằm hạn chế khả năng lạm dụng quyền này. Cụ thể, “thông lệ” (customs) của một ngành, một lĩnh vực nào đó hoặc những đặc điểm hạn chế cố hữu của một loại hình tác phẩm nào đó sẽ là những yếu tố được tòa án cân nhắc khi đánh giá hành vi xâm phạm²⁷.

Như vậy, cả pháp luật của Úc và Pháp đều xem bản chất tác phẩm, loại hình đặc thù của tác phẩm, thông lệ sử dụng tác phẩm là những yếu tố quan trọng cần xét đến khi đánh giá tính chất xâm phạm của hành vi.

Điều này đã không được tòa án Việt Nam xét đến trong vụ kiện “Thần đồng đất Việt”, khi thẩm phán cho rằng hình thức thể hiện các nhân vật trong truyện đã bị sửa chữa trong các phiên bản Thần đồng đất Việt mỹ thuật hay Thần đồng đất Việt khoa học. Bởi lẽ, căn cứ vào các Giấy chứng nhận quyền tác giả, hình thức thể hiện của các nhân vật Trạng Tí, Sừn Ợ, Dân Béo, Cả Mẹo chỉ được diễn hoạt ở một vài góc cạnh như trước, nghiêng, sau lưng. Tòa án xem đây là hình thức thể hiện gốc của các tác phẩm, do vậy bất cứ hình ảnh nào được thể hiện ở những góc khác đều bị coi là sửa chữa tác phẩm gốc. Quan điểm này hoàn toàn không xét đến loại hình tác phẩm và mục đích sử dụng tác phẩm đặc thù. Đối với loại hình tác phẩm mỹ thuật ứng dụng như hình thức thể hiện các nhân vật được sử dụng trong truyện tranh, do đặc tính hình ảnh phải phù hợp với nội dung, lời thoại của truyện thì không thể chỉ giới hạn việc sử dụng trong một vài động tác, góc cạnh đã

được thể hiện trong Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả. Cụ thể hơn, lời thoại, nội dung truyện luôn biến hóa nên hình thức thể hiện của các nhân vật nhất thiết phải biến hóa theo dưới nhiều góc cạnh khác nhau, không thể chỉ được diễn hoạt theo vài góc độ ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả. Theo quan điểm của người viết, các hình ảnh được ghi nhận trong Giấy chứng nhận nên được hiểu là cách thức thể hiện cơ bản của một nhân vật, phản ánh tinh thần chung của nhân vật. Điều đó có nghĩa là, khi xem xét liệu có sự chỉnh sửa tác phẩm gốc hay không thì cần xét đến tổng thể hình thức thể hiện, tinh thần chung của nhân vật, chứ không nên máy móc cho rằng bất cứ hình thức thể hiện nào ở góc khác với góc đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đều là hành vi sửa chữa tác phẩm.

2.3. Hành vi tác động đến bản gốc của tác phẩm tạo hình, tác phẩm kiến trúc

Về bản chất, một đặc điểm của tài sản trí tuệ nói chung chính là tính vô hình của nó. Nói cách khác, tài sản trí tuệ không đồng nhất với hình thức thể hiện bên ngoài cụ thể của tài sản này dưới một dạng vật chất nhất định. Ví dụ, một tác phẩm văn chương với tư cách là một tài sản trí tuệ không đồng nhất với cuốn sách có in tác phẩm đó. Do đó, giá trị của những tác phẩm dạng này dù ở dạng bản gốc hay bản sao là giống nhau. Hậu quả là, hành vi xé vài trang sách hay thậm chí đốt bỏ một cuốn sách có in một tác phẩm không thể bị coi là xâm phạm quyền nhân thân của tác giả đối với sự toàn vẹn của tác phẩm ấy.

Tuy vậy, có những loại hình tác phẩm đặc thù có những đặc trưng rất riêng. Cụ thể, các tác phẩm tạo hình như hội họa, điêu khắc vốn chỉ tồn tại dưới dạng độc bản, giá trị bản gốc và bản sao không đồng nhất như

²⁷ Báo cáo *Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology* (2000) được thực hiện bởi EU Commission's internal market directorate-general.

các loại hình tác phẩm khác (giá trị chủ yếu của chúng chỉ nằm ở bản gốc). Riêng đối với tác phẩm kiến trúc, tính chất ứng dụng của nó là một đặc điểm nổi trội, theo đó, chủ thể sử dụng hoặc trực tiếp chịu ảnh hưởng bởi tính chất này lại thường chính là chủ sở hữu quyền – người trực tiếp sử dụng tác phẩm – chứ không phải tác giả. Vì thế, những hành vi trực tiếp tác động đến hình thức thể hiện vật chất – bản gốc – của tác phẩm (ví dụ, bôi bẩn, thêm thắt, thậm chí phá hủy một phần hoặc hoàn toàn một bức tranh, một bức tượng điêu khắc hay một ngôi nhà) có cấu thành hành vi xâm phạm quyền nhân thân của tác giả đối với sự toàn vẹn của một tác phẩm?

Gần đây, một sự kiện văn hóa đáng chú ý xảy ra là việc các nghệ sĩ nổi tiếng đã ký tên lên bức tranh của một họa sĩ theo yêu cầu của chính chủ sở hữu tác phẩm. Sự kiện này đã khiến nhiều người bức xúc vì cho rằng việc ký tên trực tiếp lên bức tranh đã làm giảm đáng kể giá trị của tác phẩm²⁸. Có thể có quan điểm cho rằng, bức tranh cụ thể chỉ là một hình thức thể hiện của tác phẩm, không phải là chính tác phẩm, nên nó không là tài sản trí tuệ mà chỉ là tài sản thông thường (như quyển sách có in tác phẩm Truyện Kiều, bản thân quyển sách đó không phải là tác phẩm Truyện Kiều với tư cách là một loại tài sản trí tuệ). Vì thế, chủ sở hữu có quyền sử dụng, định đoạt (bao gồm cả việc hủy hoại) tài sản này, tác giả không có quyền can thiệp. Tuy nhiên, như đã phân tích, rất khó đồng nhất loại hình hội họa với loại hình tác phẩm văn học, bởi lẽ tác phẩm hội họa tồn tại dưới dạng độc bản, và giá trị

của chúng nằm ở bản gốc. Do đó, hành vi can thiệp vào chính tác phẩm gốc hay hủy hoại chúng có ý nghĩa rất khác với loại hình tác phẩm văn học. Trên thực tế, trong vụ việc này, bản thân tác giả bức tranh và những họa sĩ trong nghề đã rất bức xúc, cho rằng sự toàn vẹn của bức tranh đã bị xâm phạm nghiêm trọng²⁹.

Đối với tác phẩm kiến trúc, điểm b khoản 1 Điều 15 NĐ 22 quy định bản thân công trình xây dựng trên thực tế là một tác phẩm kiến trúc được bảo hộ tác quyền. Vậy, nếu chủ sở hữu muốn sửa chữa hay thậm chí phá dỡ ngôi nhà thì có bị coi là hành vi xâm phạm đến quyền nhân thân của tác giả đối với sự toàn vẹn của tác phẩm kiến trúc đó? Những vấn đề trên chưa được giải quyết cụ thể trong pháp luật Việt Nam.

Đạo luật Bản quyền và quyền liên quan của Bỉ có mức độ bảo hộ quyền đối với sự toàn vẹn của một tác phẩm rất cao. Theo đó, Bỉ quy định tác giả có quyền phản đối hành vi phá hủy bản gốc đối với mọi loại tác phẩm (không áp dụng đối với bản sao), kể cả đó là tác phẩm văn chương hay tác phẩm tạo hình³⁰.

Tương tự, các án lệ của Pháp cũng xem hành vi phá hủy một tác phẩm là vi phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm³¹.

²⁹ Quách Hằng & Văn Cường, *Ôn ào quanh vụ ca sĩ ký tên lên tranh từ thiện*, Báo điện tử VTV, <https://vtv.vn/chuyen-dong-24h/on-ao-quanh-vu-ca-si-ky-ten-len-tranh-tu-thien-20181015192122686.htm>, truy cập ngày 13/4/2019.

³⁰ Báo cáo *Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology* (2000) được thực hiện bởi EU Commission's internal market directorate-general, tr. 16.

³¹ Báo cáo *Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology* (2000) được thực hiện bởi EU Commission's internal market directorate-general, tr. 33.

²⁸ Quách Hằng & Văn Cường, *Ôn ào quanh vụ ca sĩ ký tên lên tranh từ thiện*, Báo điện tử VTV, <https://vtv.vn/chuyen-dong-24h/on-ao-quanh-vu-ca-si-ky-ten-len-tranh-tu-thien-20181015192122686.htm>, truy cập ngày 13/4/2019.

Tuy nhiên, khi đánh giá hành vi vi phạm, tòa án vẫn tính đến nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa tác giả và chủ sở hữu quyền cũng như lợi ích công cộng. Trong một vụ án năm 1976, trên cơ sở bảo vệ sự an toàn công cộng, tòa án đã tuyên chính quyền thành phố không vi phạm quyền của tác giả khi tiến hành phá hủy một bức tượng bởi vì nó có khả năng gây nguy hiểm cho trẻ em³². Đối với tác phẩm kiến trúc, do đặc tính ứng dụng của chúng, nguyên tắc cân bằng quyền lợi lại càng được chú trọng bởi tòa án Pháp. Theo đó, tòa án cần xem xét nhiều yếu tố như tình trạng, địa điểm xây dựng, ý chí của tác giả, mức độ vi phạm, sự cam kết của chủ sở hữu... khi đánh giá có hành vi xâm phạm hay không³³. Như vậy, mặc dù xu hướng chung trong luật của Pháp là bảo vệ quyền nhân thân đối với sự toàn vẹn tác phẩm của tác giả ở ngưỡng rất cao, nhưng riêng đối với tác phẩm điêu khắc và kiến trúc, mức độ bảo hộ thấp hơn. Theo đó, tòa án cần quan tâm đến nguyên tắc cân bằng lợi ích khi đánh giá vụ việc.

Khác với Bỉ và Pháp, nhìn chung tòa án Đức không công nhận hành vi phá hủy một tác phẩm cấu thành hành vi xâm phạm quyền đối với sự toàn vẹn của tác phẩm. Theo đó, tòa cho rằng một khi một tác phẩm kiến trúc bị phá bỏ hoàn toàn thì danh dự và uy tín của tác giả không còn có khả năng bị

gây phương hại được nữa³⁴. Tuy nhiên, đối với hành vi sửa chữa tác phẩm kiến trúc, tòa án có sự tiếp cận mang tính chất cân bằng lợi ích giữa chủ sở hữu và tác giả. Cụ thể, chủ sở hữu một ngôi nhà có quyền sửa chữa nhà khi có lý do chính đáng xuất phát từ khả năng, nhu cầu sử dụng của chủ sở hữu. Tuy nhiên, lý do mang tính chất chủ quan như sở thích riêng của chủ nhà không được coi là lý do chính đáng. Trong trường hợp này, việc sửa chữa nhà là hành vi xâm phạm đến quyền nhân thân của tác giả đối với sự toàn vẹn của tác phẩm³⁵. Đối với tác phẩm tạo hình như điêu khắc, tòa án Đức cũng áp dụng nguyên tắc cân bằng lợi ích, theo đó chủ sở hữu có quyền sửa chữa một bức tượng vì lý do an toàn cho cộng đồng, nhưng phải báo trước cho tác giả về ý định này (mặc dù không cần có sự chấp thuận của tác giả)³⁶.

Rõ ràng, mặc dù quy chế pháp lý đối với quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm theo luật của Đức so với Pháp là rất khác nhau (Đức có xu hướng bảo hộ quyền của chủ sở hữu nhiều hơn quyền của tác giả trong khi Pháp và Bỉ thì ngược lại), nhưng trong nhiều trường hợp, cả tòa án Đức lẫn Pháp đều áp dụng nguyên tắc cân bằng lợi ích đối với tác phẩm kiến trúc, điêu khắc.

³² Báo cáo *Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology* (2000) được thực hiện bởi EU Commission's internal market directorate-general, tr. 36.

³³ Báo cáo *Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology* (2000) được thực hiện bởi EU Commission's internal market directorate-general, tr. 37.

³⁴ Báo cáo *Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology* (2000) được thực hiện bởi EU Commission's internal market directorate-general, tr. 61.

³⁵ Báo cáo *Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology* (2000) được thực hiện bởi EU Commission's internal market directorate-general, tr. 62.

³⁶ Báo cáo *Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology* (2000) được thực hiện bởi EU Commission's internal market directorate-general, tr. 64.

Giống như Đức, phần lớn các án lệ của Hà Lan cũng không công nhận việc phá hủy một tác phẩm là hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm. Có một lập luận đáng chú ý của tòa án Hà Lan đối với cách tiếp cận này, đó là tòa cho rằng cho dù một công trình xây dựng bị phá hủy thì danh dự và uy tín của kiến trúc sư vẫn tồn tại mãi mãi thông qua các hình thức vật chất khác thể hiện công trình; ví như các bức ảnh chụp, bản vẽ thiết kế, các tài liệu và thậm chí trong ký ức của những người đã từng biết đến công trình đó³⁷. Như vậy, theo quan điểm của nhiều tòa án Hà Lan, không có sự phân biệt bản gốc và bản sao của tác phẩm kiến trúc hay tác phẩm tạo hình. Dường như nguyên tắc tác phẩm với tư cách là tài sản trí tuệ vô hình độc lập với hình thức thể hiện vật chất cụ thể của tác phẩm đó được tòa án Hà Lan vận dụng triệt để, kể cả đối với các tác phẩm mang tính đặc thù như kiến trúc và tạo hình. Đây là một quan điểm rất khác so với các quốc gia như Bỉ, Pháp hay Đức.

3. Một số kiến nghị

Cần phải nhấn mạnh rằng, việc sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hơn cơ chế pháp lý bảo hộ quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm của tác giả cần phải tuân thủ chính sách của Nhà nước về sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng được quy định tại Điều 8 của LSHTT 2005. Do đó, những đề xuất của người viết được đưa ra dựa trên các nguyên tắc: (1) Đảm bảo nguyên tắc pháp chế; (2) Cân bằng lợi ích giữa tác giả và người sử dụng cũng như cân bằng lợi ích

giữa tác giả và chủ sở hữu quyền; và (3) Khuyến khích hoạt động sáng tạo, thúc đẩy sự phát triển văn hóa, nghệ thuật, khoa học.

3.1. Thống nhất quy định pháp luật để phân định rõ ranh giới giữa quyền làm tác phẩm phái sinh và quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm

Thứ nhất, cách tiếp cận của NĐ 22 hoàn toàn mâu thuẫn với cách tiếp cận của LSHTT 2005 dẫn đến sự nhập nhằng trong việc phân định quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm thuộc về tác giả và quyền làm tác phẩm phái sinh thuộc độc quyền của chủ sở hữu tác phẩm. Thực tế xét xử đã chứng minh, sự mâu thuẫn giữa LSHTT 2005 và NĐ 22 dẫn đến cách giải quyết khác nhau đối với những trường hợp tương tự nhau.

Xuất phát từ nguyên tắc pháp chế, khoản 1 Điều 5 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định phải “bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật”. Theo đó, nghiêm cấm hành vi “ban hành văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, trái với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên” (khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015). Tuân thủ nguyên tắc này, các quy định của các văn bản dưới luật phải tôn trọng tinh thần và bám sát quy định của văn bản luật. Do vậy, NĐ 22 cần phải được sửa đổi cho phù hợp với LSHTT 2005 đối với quy định liên quan đến quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, nhằm bảo vệ nguyên tắc phân định quyền nhân thân và quyền tài sản giữa tác giả và chủ sở hữu.

Thứ hai, xuất phát từ nguyên tắc phân định quyền giữa tác giả và chủ sở hữu quyền cũng như đảm bảo nguyên tắc cân bằng quyền giữa hai chủ thể này, nhất thiết

³⁷ Báo cáo *Study contract concerning moral rights in the context of the exploitation of works through digital technology* (2000) được thực hiện bởi EU Commission's internal market directorate-general, tr. 104.

cần phải phân định rõ quyền làm tác phẩm phái sinh và quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm. Khi xét xử, tòa án cần cân nhắc các yếu tố khác nhau khi phân biệt hai loại quyền này, tránh trường hợp tuyệt đối hóa quyền nhân thân của tác giả dẫn đến tước bỏ quyền làm tác phẩm phái sinh hợp pháp của chủ sở hữu quyền vốn được LSHTT 2005 công nhận và bảo hộ. Kể cả những quốc gia có ngưỡng bảo hộ quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm cao hơn Công ước Berne và LSHTT 2005 (như Pháp), án lệ của những quốc gia đó vẫn không tuyệt đối hóa loại quyền nhân thân này như cách tiếp cận của tòa án Việt Nam.

Theo quan điểm của người viết, sở dĩ pháp luật quốc tế lẫn pháp luật Việt Nam công nhận bảo hộ tác phẩm phái sinh như tác phẩm nguyên gốc là nhằm đảm bảo, khuyến khích quyền tự do sáng tạo trong học thuật và nghệ thuật, góp phần thúc đẩy sự phát triển và làm phong phú thêm nền văn hóa, nghệ thuật, khoa học của nhân loại. Do vậy, xuất phát từ mục tiêu này cũng như đảm bảo nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa tác giả và người sử dụng, pháp luật nên ban hành một nguyên tắc, theo đó, hoạt động làm tác phẩm phái sinh chỉ bị coi là xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm khi sự chỉnh sửa, cải biên tác phẩm theo hướng đi ngược lại tinh thần, quan điểm mà tác giả muốn truyền đạt trong tác phẩm. Để thực hiện nguyên tắc này, tòa án cần lưu ý các yếu tố sau:

(1) Một hành vi đơn thuần tác động đến hình thức của tác phẩm mà không can thiệp vào tinh thần chung của tác phẩm đó không bị coi là hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm;

(2) Ngay cả khi hành vi làm tác phẩm phái sinh có tác động đến tinh thần chung

của tác phẩm cũng không nhất thiết bị coi là bất hợp pháp trong mọi trường hợp nếu như nó không mâu thuẫn với quan điểm, tinh thần chung của tác phẩm gốc. Bởi lẽ, bản chất của hoạt động làm tác phẩm phái sinh đặc thù, như cải biên, phóng tác, là biến đổi tác phẩm gốc cho phù hợp với nhu cầu mới. Đặc biệt, với những tác phẩm gốc đã ra đời từ rất lâu thì việc cải biên tác phẩm này thường được thực hiện theo khuynh hướng phù hợp với thời kỳ đương đại. Do vậy, yêu cầu giữ nguyên tinh thần của tác phẩm gốc có thể đã tồn tại cách đây nhiều thế kỷ vô hình trung sẽ làm hạn chế rất nhiều không gian sáng tạo của tác giả.

3.2. Cụ thể hóa các yếu tố cấu thành hậu quả “gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả”

LSHTT 2005 lẫn ND 22 không quy định cụ thể như thế nào là “gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả”. Điều này có thể sẽ dẫn đến sự tùy tiện rất lớn trong hoạt động xét xử của tòa án. Pháp luật về quyền tác giả của Việt Nam nên bổ sung các yếu tố mà tòa án cần phải tính đến khi xác định như thế nào là “gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả” hoặc ít nhất nên ban hành một nguyên tắc chung, quy trình chung khi xem xét hậu quả này. Dựa vào kinh nghiệm quốc tế, để hạn chế tính chất chủ quan cũng như đảm bảo sự cân bằng lợi ích của tác giả và người sử dụng, tòa án cần áp dụng nguyên tắc xác định tính chất gây phương hại từ những yếu tố khách quan hơn là cảm giác chủ quan của chính tác giả. Bởi lẽ, cảm giác chủ quan của tác giả là điều không thể xác thực được bằng bất cứ bằng chứng gì ngoài sự tuyên bố cá nhân của chính tác giả. Hơn nữa, tác giả với độc quyền được bảo hộ sẽ có xu hướng dễ lạm quyền trong việc bảo vệ tác phẩm của

minh. Do đó, việc đánh giá nên chủ yếu dựa vào các bằng chứng khách quan như trung cầu ý kiến chuyên gia khi cần thiết. Ngoài ra, các yếu tố như bản chất, đặc trưng loại hình tác phẩm, thông lệ của ngành/lĩnh vực mà tác phẩm được sử dụng cũng cần được xem xét khi đánh giá yếu tố “gây phương hại cho danh dự và uy tín của tác giả”.

3.3. Quy chế pháp lý cho tác phẩm hội họa, tác phẩm điêu khắc, tác phẩm kiến trúc

Như đã đề cập, các quốc gia có khuynh hướng khác nhau khi ban hành quy định bảo hộ quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm đối với bản gốc của các loại hình tác phẩm đặc thù như tác phẩm hội họa, điêu khắc, kiến trúc. Trong số các cách tiếp cận này, cách tiếp cận của Bỉ khá cứng nhắc, thiên về bảo hộ tuyệt đối quyền của tác giả mà bỏ qua lợi ích của cộng đồng, của chủ sở hữu. Ngược lại, cách tiếp cận của Hà Lan lại không tính đến tính chất đặc thù của loại hình tác phẩm hội họa, điêu khắc (tính độc bản) dẫn đến đánh đồng phương cách bảo hộ cho mọi loại tác phẩm. Điều này có khả năng gây phương hại cho lợi ích chính đáng của tác giả đối với việc bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm.

Theo quan điểm của người viết, cách tiếp cận của Pháp mang tính cân bằng hơn. Một mặt, pháp luật bản quyền Pháp tôn trọng đặc thù của loại hình tác phẩm độc bản, mặt khác vẫn tính đến yếu tố cân bằng lợi ích để đảm bảo tác giả không lạm quyền và chủ sở hữu tác phẩm vẫn có quyền khai thác chính đáng tác phẩm thuộc sở hữu của mình. Cách tiếp cận này nên được tiếp nhận trong pháp luật Việt Nam. Theo đó, chúng ta nên ghi nhận các điểm sau đây:

(1) Về nguyên tắc, xem các hành vi tác động tiêu cực (bao gồm hành vi hủy hoại)

đến bản gốc của tác phẩm hội họa và điêu khắc là hành vi vi phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, nhưng có tính đến yếu tố cân bằng lợi ích;

(2) Đối với tác phẩm kiến trúc dưới dạng công trình xây dựng trên thực tế, nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa tác giả và chủ sở hữu tác phẩm nên được tôn trọng. Theo đó, quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác giả là không tuyệt đối, nên bị giới hạn hợp lý bởi nhu cầu sử dụng chính đáng của chủ sở hữu, đặc biệt trong những trường hợp thay đổi hoàn cảnh sử dụng ban đầu (ví dụ như số lượng người trong gia đình tăng lên, tình trạng sức khỏe của thành viên trong gia đình... có thể là điều kiện chính đáng để chủ sở hữu có những chỉnh sửa, tái tạo lại ngôi nhà). Ngược lại, tác giả nên được thông báo trước và ưu tiên tham khảo ý kiến dựa trên nguyên tắc thiện chí đối với những thay đổi đó.

4. Kết luận

Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm trong hệ thống các quy phạm bảo hộ quyền tác giả Việt Nam còn khá sơ sài, thiếu vắng các quy định chi tiết cũng như tồn tại mâu thuẫn giữa văn bản luật và dưới luật. Từ đó, pháp luật chưa đảm bảo được nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa tác giả và người sử dụng, chưa phân định rõ được quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm với tư cách là quyền nhân thân của tác giả và quyền làm tác phẩm phái sinh với danh nghĩa là quyền tài sản của chủ sở hữu. Do vậy, sự thiếu logic, thiếu hiệu quả khi áp dụng các quy định này trên thực tế là khó tránh khỏi. Việc nhanh chóng cần có những bổ sung, chỉnh sửa, thống nhất lại các quy định của pháp luật đối với vấn đề này là thực sự cần thiết.